

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HSST

Ngày 04/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021; đối với bị cáo:

1. Đoàn Thị T (tên gọi khác Ch), sinh ngày 17/5/1971; tại huyện N, tỉnh K; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đoàn Văn S (chết) và bà Trần Thị N; Có chồng tên Huỳnh Hữu T; Tiền án, Tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/7/2021. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hương Th – sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

2.2. Bà Trần Thị Ch – Sinh năm: 1950; địa chỉ: ấp Nguyễn H, xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

2.3. Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm: 1949; địa chỉ: ấp Nguyễn V, xã V, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

2.4. Ông Nguyễn Văn Ch – sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp Nguyễn V, xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

2.5. Huỳnh Thị Mai H – sinh năm: 1950; địa chỉ: ấp Nguyễn H, xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 55 phút ngày 20/01/2021 lực lượng Công an xã V bắt quả tang Đoàn Thị T đang bán số đề tại ấp Nguyễn Hg, xã T, huyện G, tỉnh K.

Tại hiện trường lực lượng công an đã phát hiện và thu giữ các đồ vật tài liệu có liên quan đến việc bán số đề gồm: 01 quyển sổ ghi các con số; 17 tờ giấy bên trong các con số, tiền Việt Nam 10.262.000 đồng.

- Kết quả điều tra đối chiếu phôi đề thu được xác định Đoàn Thị T bán số đề trong ngày 19/01/2021 đài Bạc Liêu, Bến Tre các con số như sau:

- + Số đầu bán ra được 27 lượt con số, với số tiền 397.000 đồng
- + Số lô 02 con số bán ra được 15 lượt con số, tổng số tiền 6.874.000 đồng
- + Số đá bán ra được 02 lượt con số, tổng số tiền 60.000 đồng
- + Số trúng thưởng gồm 02 lô con số có 03 lượt trúng, với tổng số tiền 22.000 đồng x 80.000 đồng = 1.760.000 đồng

Như vậy: tổng cộng số tiền Đoàn Thị T tham gia đánh bạc (bán số đề và các con đề mua số trúng thưởng) trong ngày 19/01/2021 của đài số kiến thiết Bạc Liêu và Bến Tre: 397.000 đồng + 6.874.000 đồng + 60.000 đồng + 1.760.000 đồng = 9.091.000 đồng.

Kết quả điều tra đối chiếu phôi đề thu được xác định Đoàn Thị T bán số đề trong ngày 20/01/2021 đài Sóc Trăng, Cần Thơ được các con số như sau:

- + Số đầu bán ra được 27 lượt con số, tổng số tiền 270.000 đồng
- + Số lô 02 con số bán ra được 22 lượt con số, tổng số tiền 5.265.000 đồng
- + Số lô 03 con số bán ra được 04 lượt con số, tổng số tiền 300.000 đồng
- + Số đá bán ra được 06 lượt con số, tổng số tiền 90.000 đồng.

Tổng số tiền Đoàn Thị T tham gia đánh bạc (bán số đề) trong ngày 20/01/2021 của đài số kiến thiết Sóc Trăng và Cần Thơ là: 270.000 đồng + 5.265.000 đồng + 300.000 đồng + 90.000 đồng = 5.925.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định việc bán số đề có lợi nhuận cao nên Đoàn Thị T đã tham gia bán số đề từ tháng 4 năm 2020 nhưng không liên tục đến khi bị bắt quả tang, hình thức bán số đề, lô 02 con và số đá. Mức ăn thua số đầu và số lô là 1/80 tức mua 1.000 đồng trúng 80.000 đồng; lô 02 con số mua 1.000 đồng thì người mua số phải trả 15.000 đồng và trúng được 80.000 đồng; số đá mua 01 cặp 1.000 đồng thì người mua phải trả 15.000 đồng, nếu trúng được 600.000 đồng. Hàng ngày Đoàn Thị T tham gia bán số đề trong khu vực ấp Nguyễn H, Nguyễn V xã T, sau đó giao phôi lại cho chủ thầu tên Nguyễn Thị Hương Th (chưa chứng minh được Th là chủ thầu) để hưởng hoa hồng từ 15 đến 16% tức nộp 1.000.000 đồng thì tiền hưởng hoa hồng từ 150.000 đồng đến 160.000 đồng, bình quân Đoàn Thị T thu lợi từ 30.000 đồng đến 170.000 đồng/ngày. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đoàn Thị T trong 01 tháng tham gia bán số đề liên tục (30 ngày) là 3.000.000 đồng.

- Vật chứng: 01 quyển sổ có ghi các con số (loại giấy tập học sinh cắt ra); 17 tờ giấy bên trong ghi các con số; tiền Việt Nam: 10.262.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Masstel đã qua sử dụng cùng 01 sim số 0328374922, nhà mạng Viettel; 01 xe đạp màu trắng.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 22/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị cáo Đoàn Thị T về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36, Điều 32 của Bộ luật hình sự, xử phạt Đoàn Thị T từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung xử phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tiền thu lợi bất chính của bị cáo Tiền cụ thể là: 30 ngày trước ngày bị bắt, mỗi ngày thu lợi trung bình 100.000 đồng x 30 ngày = 3.000.000 đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Hương Th 250.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 sim di động số 0328374922, nhà mạng Viettel.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.262.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Masstel đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thị T đã khai nhận: Thấy việc bán số đề mang lại nhiều lợi nhuận cho nên bị cáo đã tham gia bán số đề trong 30 ngày, đến ngày 20/02/2021 thì bị lực lượng Công an xã Vĩnh Thạnh bắt quả tang.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ được tài liệu, sổ sách liên quan đến tiền bán số lô, số đề. Qua đối chiếu các phôi đề thu được thì số tiền Đoàn Thị T dùng để đánh bạc vào ngày 20/01/2021 là 5.925.000 đồng, ngoài ra bị cáo còn bán số đề vào ngày 19/01/2021 với số tiền 9.091.000 đồng và thu lợi bất chính trong 30 ngày liên tục với số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự và ảnh hưởng an

ninh chính trị tại địa phương. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Đoàn Thị T đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy định khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội nêu trên là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

Bị cáo Đoàn Thị T thực hiện với lỗi cố ý, phạm tội liên tục từ 02 lần trở lên về cùng một tội phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên có căn cứ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ là thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Về khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự: Trong thời gian chấp hành án về cải tạo không giam giữ thì người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ: bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử sau khi xem xét thấy rằng hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên thống nhất miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thống nhất mức phạt là 10.000.000 đồng đối với bị cáo.

Đối với Huỳnh Thị Mai H, Nguyễn Thị Q, Trần Thị Ch, Trần Thị T và Nguyễn Văn Ch có hành vi tham gia đánh bạc cùng với Đoàn Thị T nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Công an xử lý hành chính theo quy định là đủ nghiêm. Còn Nguyễn Thị Hương Th quá trình điều tra chưa chứng minh được hành vi phạm tội của Th nên tách ra tiếp tục làm rõ và xử lý sau.

[5] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Khoản thu lợi bất chính của bị cáo T: Theo biên bản thống kê tiền dùng vào việc đánh bạc, tiền trả thưởng, trích hoa hồng của cơ quan điều tra lập, đã được thẩm tra, đối chiếu tại phiên tòa xác định; số ngày bị cáo bán số đề liên tục là 30 ngày, trung bình mỗi ngày thu nhập 100.000 đồng x 30 ngày = 3.000.000 đồng. Tuyên tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền hưởng huê hồng của người có liên quan: Tại phiên biên bản lấy lời khai và tờ tường trình, bà Nguyễn Thị Hương Th thừa nhận sau khi giao phối cho một người tên T (chưa xác định được) bà Th nhận huê hồng mỗi ngày 25.000 đồng x 10 ngày = 250.000 đồng. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: Tiền Việt Nam 10.262.000 đồng (Công an huyện Giồng Riềng đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Riềng); 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Masstel đã qua sử dụng của bị cáo dùng làm công cụ phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim di động số 0328374922, nhà mạng Viettel.

Ghi nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe đạp màu trắng do không dùng vào việc phạm tội.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 36, Điều 32 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị T (tên khác Ch) phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bị cáo T phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đoàn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Đồng thời, bị cáo phải có nghĩa vụ thông báo cho chính quyền địa phương biết nếu có sự thay đổi về nơi cư trú theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe đạp màu trắng do không dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: Tiền Việt Nam 10.262.000 đồng (Công an huyện Giồng Riềng đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Riềng); 01 điện thoại di động màu xanh đen, hiệu Masstel đã qua sử dụng của bị cáo dùng làm công cụ phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim di động số 0328374922, nhà mạng Viettel.

- Buộc bị cáo phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Hương Th phải nộp tiền thu lợi bất chính 250.000 đồng.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Xử buộc bị cáo phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng

4. Án phí: Bị cáo Đoàn Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 04/11/2021. Người có liên quan vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a**, **7b** và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan CSĐT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Chuyên